

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST  
Ngày: 17/11/2022  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín  
dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Trương Thị Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Tiến  
2. Ông Lê Văn Tám;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố  
T, tỉnh T

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5  
năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ: Tầng n, tòa nhà T, số 210 đường T, phường Tr, quận H, thành phố  
Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến D – Giám đốc Ngân hàng  
TMCP B – Chi nhánh T.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Duy M – Phó giám đốc phụ  
trách kinh doanh Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh T.

(Theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ -TGĐ ngày 20/6/2017 và số  
38/2021/QĐ-LPB.TH ngày 17/5/2021)

**Bị đơn:** Bà Lê Thị H – Sinh năm 1962.

Địa chỉ: 1 tập thể bệnh viện phụ sản Thành Phố T, số 48 N, phường Tr,  
thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, bị đơn có đơn xin xét xử  
vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 13/07/2018, giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh T (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Lê Thị H đã ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 26/130718/02/420 với các nội dung cụ thể như sau: Ngân hàng cho bà H vay số tiền 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) phương thức vay: Từng lần, mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn 12,5%/năm và được áp dụng theo phương thức thả nổi, được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày; PH thức trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng.

Ngân hàng đã giải ngân cho bà H toàn bộ số tiền 160.000.000đ vào ngày 13/07/2018

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng bà Lê Thị H thường xuyên chậm trả phải để Ngân hàng đôn đốc nhiều lần. Kể từ tháng 06/2021, Bà Lê Thị H đã không trả được nợ theo các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ số 26/130718/02/420 ngày 13/07/2018. Ngân hàng TMCP B đã thực hiện nhiều biện pháp để đôn đốc thu hồi nợ như: gửi công văn đôn đốc trả nợ, đến làm việc trực tiếp với khách hàng và gia đình khách hàng. Tuy nhiên từ đó đến nay, Bà Lê Thị H thường xuyên vi phạm cam kết trả nợ; không thực hiện đầy đủ cam kết, nghĩa vụ trả nợ, trốn tránh làm việc với ngân hàng; khách hàng không hợp tác. Vì vậy Ngân hàng TMCP B nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân TP. T để giải quyết. Tính đến ngày 31/3/2022 tổng số tiền bà H đã trả cho ngân hàng là: 136.095.828 đồng, trong đó gốc đã trả là 92.513.120 đồng; nợ lãi đã trả là: 43.582.708 đồng.

Kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến ngày 14/11/2022, bà H đã trả thêm cho Ngân hàng số tiền tổng số tiền là 28.637.161 đồng (trong đó nợ gốc đã trả: 20.036.103, nợ lãi đã trả: 8.601.058 đồng). Như vậy tính đến ngày 14/11/2022 tổng số tiền bà H đã trả cho ngân hàng là: 164.732.989 đồng (*một trăm năm mươi tám triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó gốc đã trả là 112,549,223 đồng; nợ lãi đã trả là: 52.183.766 đồng.

Nay ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng số 26/130718/02/420 ngày 13/07/2018 với tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ( ngày 17/11/2022) là: 54.061.327 đồng (Năm mươi tư triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng). Trong đó, số tiền gốc là 47.450.777 đồng tiền lãi trong hạn là 4.703.818 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.906.732 đồng và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 28.637.161 đồng do bà Lê Thị H đã trả trong quá trình giải quyết vụ án.

\* Quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị H theo quy định của pháp luật, nhưng bà H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không thể hiện quan điểm về việc Ngân hàng khởi kiện

cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại đơn xin trình bày ngày 10/11/2022 của Lê Thị H, do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin với Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi cho bà, bà chỉ trả nợ gốc và xin được trả dần, đồng thời bà H cũng làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 17/11/2022 và xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do bà H là người cao tuổi.

\* Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP B không đồng ý với yêu cầu về việc bà H xin miễn toàn bộ tiền lãi, chỉ phải trả nợ gốc của bà H, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn (bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt) VKS đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228-BLTTDS để xét xử.

- Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP B .

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B với bà Lê Thị H với mục đích vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng sinh hoạt. Hợp đồng được ký kết hợp pháp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ T toán, do đó đây là quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Do bị đơn có địa chỉ tại thành phố T , tỉnh T nên Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn, do bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ *khoản 1* Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Ngày 13/07/2018, giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh T và bà Lê Thị H đã ký hợp đồng tín dụng số 26/130718/02/420 với các khế ước nhận nợ kèm theo. Việc ký hợp đồng tín dụng là tự nguyện giữa hai bên, người tham gia ký hợp

đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và trái đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H chậm trả nợ từ tháng 6/2022 mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc. Như vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ T toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của bà H sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký.

Việc tính lãi của Ngân hàng: Lãi suất cho vay trong hạn 12,5%/năm và được áp dụng theo pH thức thả nổi, được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày là phù hợp với mức lãi suất của pháp luật quy định.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 – Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 244 BLTTDS và Điều 463, Điều 466 – Bộ luật dân sự, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H phải T toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/11/2022) là: Nợ gốc: 47.450.777 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.703.818 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.906.732 đồng. Tổng cộng: 54.061.327 đồng (Năm mươi tư triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 28.637.161 đồng do Ngân hàng rút yêu cầu.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên bà H được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463; Điều 466; của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc bà Lê Thị H phải trả cho ngân hàng số tiền đã vay là 54.061.327 đồng (Năm mươi tư triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng). Trong đó, số tiền gốc là 47.450.777 đồng tiền lãi trong hạn là 4.703.818 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.906.732 đồng.

Kể từ ngày 18/11/2022 bà H phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa T toán theo quy định của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 26/130718/02/420 ngày 13/7/2018 cho đến khi T toán xong khoản nợ gốc.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 28.637.161 đồng do Ngân hàng rút yêu cầu.

*Án phí:* Miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho bị đơn bà Lê Thị H, do bà H là người cao tuổi.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án đã nộp là 1.899.000 đồng tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố T .

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP T ;
- Chi cục THADS TP T ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trương Thị Quỳnh**

